TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ- ST
Ngày: 15-01-2026
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thào A Sinh, bà Lê Bích Thuận.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lò Thị Thu Hà- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2025/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị A, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Bản C, xã M, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Tòng Văn C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Bản C, xã M, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lò Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị A và anh Tòng Văn C kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 08/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Mường Giôn, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2022 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm

2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Lò Thị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Tòng Văn C.

Về con chung: Chị Lò Thị A và anh Tòng Văn C có 04 (bốn) con chung là: cháu Tòng Thị Th, sinh ngày 17/4/2002, cháu Tòng Thị H, sinh ngày 13/3/2005, cháu Tòng Thúy Tr, sinh ngày 17/11/2006 và cháu Tòng Văn Nghĩa, sinh ngày 09/10/2008.

Cháu Tòng Thị Th, sinh ngày 17/4/2002, cháu Tòng Thị H, sinh ngày 13/3/2005, cháu Tòng Thúy Tr, sinh ngày 17/11/2006 đã đến tuổi trưởng thành, không bệnh tật, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại cháu Tòng Văn Nghĩa, sinh ngày 09/10/2008 đang ở với anh Tòng Văn C.

Chị Lò Thị A đề nghị anh Tòng Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tòng Văn Nghĩa.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị A không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị A cam đoan không có nợ chung.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Tòng Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh Tòng Văn C và chị Lò Thị A kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 08/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Mường Giôn, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2022 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Anh Tòng Văn C xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn chị Lò Thị A.

Về con chung: Anh Tòng Văn C và chị Lò Thị A có 04 (bốn) con chung là: cháu Tòng Thị Th, sinh ngày 17/4/2002, cháu Tòng Thị H, sinh ngày 13/3/2005, cháu Tòng Thúy Tr, sinh ngày 17/11/2006 và cháu Tòng Văn Nghĩa, sinh ngày 09/10/2008.

Cháu Tòng Thị Th, sinh ngày 17/4/2002, cháu Tòng Thị H, sinh ngày 13/3/2005, cháu Tòng Thúy Tr, sinh ngày 17/11/2006 đã đến tuổi trưởng thành, không bệnh tật, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại cháu Tòng Văn Nghĩa, sinh ngày 09/10/2008 đang ở với anh Tòng Văn C.

Anh Tòng Văn C đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tòng Văn Nghĩa.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tòng Văn C không yêu cầu chị Lò Thị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Tòng Văn C cam đoan không có nợ chung.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 15/12/2025: Tại Bản C, xã M, tỉnh Sơn La. Chị Lò Thị A và anh Tòng Văn C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Giôn, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn không nắm rõ. Hiện tại chị Lò Thị A, anh Tòng Văn C đã sống ly thân. Chị Lò Thị A và anh Tòng Văn C có 04 (bốn) con chung là: cháu Tòng Thị Th, sinh ngày 17/4/2002, cháu Tòng Thị H, sinh ngày 13/3/2005, cháu Tòng Thúy Tr, sinh ngày 17/11/2006 và cháu Tòng Văn Nghĩa, sinh ngày 09/10/2008. Cháu Tòng Thị Th, sinh ngày 17/4/2002, cháu Tòng Thị H, sinh ngày 13/3/2005, cháu Tòng Thúy Tr, sinh ngày 17/11/2006 đã đến tuổi trưởng thành, không bệnh tật, có khả năng lao động và cháu Tòng Văn Nghĩa đang ở với anh Tòng Văn C. Tài sản chung, nợ chung: Không nắm được.

Tại biên bản ghi ý kiến, cháu Tòng Văn Nghĩa có nguyện vọng là ở với bố.

Chị Lò Thị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Lò Thị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Anh Tòng Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Anh Tòng Văn C giữ nguyên ý kiến trong bản tự khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (Luật sửa đổi bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị A được ly hôn anh Tòng Văn C.

Về con chung: Giao cháu Tòng Văn Nghĩa, sinh ngày 09/10/2008 cho anh Tòng Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung (anh Tòng Văn C không yêu cầu).

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị A, anh Tòng Văn C cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị A yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Tòng Văn C có địa chỉ tại Bản C, xã M, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (Luật sửa đổi bổ sung năm 2025).

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị A, bị đơn anh Tòng Văn C: Nguyên đơn chị Lò Thị A, bị đơn anh Tòng Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị A và anh Tòng Văn C kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 08/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Mường Giôn, tỉnh Sơn La, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2022 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lò Thị A và anh Tòng Văn C đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Chị Lò Thị A cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Tòng Văn C. Anh Tòng Văn C nhất trí ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lò Thị A và anh Tòng Văn C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Lò Thị A được ly hôn anh Tòng Văn C. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị A và anh Tòng Văn C có 04 (bốn) con chung là: cháu Tòng Thị Th, sinh ngày 17/4/2002, cháu Tòng Thị H, sinh ngày 13/3/2005, cháu Tòng Thúy Tr, sinh ngày 17/11/2006 và cháu Tòng Văn Nghĩa, sinh ngày 09/10/2008.

Cháu Tòng Thị Th, sinh ngày 17/4/2002, cháu Tòng Thị H, sinh ngày 13/3/2005, cháu Tòng Thúy Tr, sinh ngày 17/11/2006 đã đến tuổi trưởng thành, không bệnh tật, có khả năng lao động, chị Lò Thị A và anh Tòng Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết là có căn cứ đúng pháp luật.

Cháu Tòng Văn Nghĩa, sinh ngày 09/10/2008 hiện tại đang ở với anh Tòng Văn C.

Chị Lò Thị A và anh Tòng Văn C đều có ý kiến giao cháu Tòng Văn Nghĩa cho anh Tòng Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Chị Lò Thị A và anh Tòng Văn C có nơi cư trú rõ ràng, đều có thu nhập. Anh Tòng Văn C trồng trọt, chăn nuôi, làm thuê thêm, thu nhập bình quân hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Anh Tòng Văn C là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tòng Văn Nghĩa.

Ý kiến cháu Tòng Văn Nghĩa có nguyện vọng là ở với bố.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, sự phát triển về thể chất, tâm sinh lý, cần giao cháu Tòng Văn Nghĩa, sinh ngày 09/10/2008 cho anh Tòng Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung (anh Tòng Văn C không yêu cầu).

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị Lò Thị A, anh Tòng Văn C cam đoan không có nợ chung.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (Luật sửa đổi bổ sung năm 2025); điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị A được ly hôn anh Tòng Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Tòng Văn Nghĩa, sinh ngày 09/10/2008 cho anh Tòng Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung (Anh Tòng Văn C không yêu cầu).

4. Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị Lò Thị A và anh Tòng Văn C cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Chị Lò Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000824, ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị A, anh Tòng Văn C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2- Sơn La (2);
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- Sơn La;
- Đương sự;
- UBND xã Mường Giôn, tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Mai Xiêng